

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2025/HS-ST
Ngày: 10/6/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lã Văn Luật

Bà Nông Thị Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Lục Đức Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trường Long - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025 tại điểm cầu trung tâm - Phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, điểm cầu thành phần - Phòng hỏi cung số 1, Phân trại tạm giam khu vực thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2025/TLST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2025/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đối với bị cáo:

Ôn Văn T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 11 tháng 10 năm 1985 tại huyện K, tỉnh Cao Bằng; Hộ khẩu thường trú: Xóm S, xã H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Nơi ở hiện nay: Tổ 05, phường S1, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Ôn Văn Kh, sinh năm 1955; Con bà: Phan Thị Th, sinh năm: 1955 (đã chết); Vợ: La Thị H1, sinh năm 1987; con: 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2021; Anh, em ruột: Bị cáo là con thứ 3 trong gia đình có 5 anh em; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam tại Phân trại tạm giam Khu vực thành phố Cao Bằng từ ngày 26/7/2024 đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Nông Văn Dự - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Bị hại:

Ôn Trung K, sinh năm 1990.

Trú tại: Tổ 05, phường S1, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Lý Duy H, sinh năm 1982

Trú tại: Tiểu khu P, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Nông Thị H2, sinh năm 1979

Trú tại: Tổ 06, phường S1, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

- La Thị Nh, sinh năm 1966

Trú tại: Tổ 05, phường S1, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/7/2024, Công an thành phố Cao Bằng tiếp nhận đơn trình báo của Ôn Trung K (*sinh ngày 01/3/1990, trú tại tổ 05, phường S1, thành phố C, tỉnh Cao Bằng*) về việc ngày 19/7/2024, Ôn Văn T (*sinh ngày 11/10/1985; tạm trú tại: tổ 05, phường S1, thành phố C, tỉnh Cao Bằng*) mượn xe ô tô nhãn hiệu Honda City biển kiểm soát 11A-119.xx của K để làm phương tiện đi lại, hẹn đến ngày 21/7/2024 sẽ trả lại xe cho K nhưng sau đó đã mang xe của K đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng tiến hành xác minh, xác định được khoảng 10 giờ 30 phút ngày 19/7/2024, Ôn Văn T nảy sinh ý định mượn xe ô tô của Ôn Trung K (*là em họ của T*) đem đi cầm cố lấy tiền giải quyết việc cá nhân. Sau đó, T hỏi mượn xe của K rồi đem đi cầm cố với Lý Duy H (*sinh ngày 26/02/1982, trú tại tiểu khu P, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Thái Nguyên*) lấy số tiền 150.000.000,đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*). Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Lý Duy H: 01 (*một*) xe ô tô nhãn hiệu Honda City, loại ô tô con biển kiểm soát 11A-119.xx; 01 (*một*) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 11000507; 01 (*một*) giấy chứng nhận kiểm định số 0749237 của xe ô tô 11A- 119.xx; 01 (*một*) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự; 01 (*một*) chìa khóa xe ô tô; 01 (*một*) giấy phép lái xe số

04009900057 mang tên Ôn Văn T và 01 (một) giấy bán xe giữa Ôn Văn T và Lý Duy H.

Ngày 28/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng ra yêu cầu định giá tài sản số 1388 xác định giá trị chiếc xe ô tô 11A- 119.xx. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 49 ngày 30/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: “*Giá trị tài sản (01 xe ô tô Honda City, biển kiểm soát 11A- 119.xx) là 373.333.333,đ (ba trăm bảy mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng)*”.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 19/7/2024, Ôn Văn T gọi điện thoại cho Nông Thị H2 (*sinh ngày 25/9/1979; trú tại: Tổ 6, phường S1, thành phố C*) rủ đi Phú Thọ tìm mối làm ăn kinh doanh. Trước đó H2 quen biết một người đàn ông tên Nguyễn Công S2 và được S2 giới thiệu cho H2 kết bạn với một người tên Lê Văn D để góp tiền đầu tư. Ngày 15/7/2024 D nói với H2 nếu chuyển cho D số tiền 150.000.000,đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*) thì D sẽ giúp H2 đầu tư để có 1.000.000.000,đ (*một tỉ đồng*). Do không có tiền nên H2 nói với T đang cần 150.000.000,đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*) để đầu tư và sau khoảng 01 tiếng sẽ thu được 200.000.000,đ (*hai trăm triệu đồng*) tiền lãi nên T nảy sinh ý định mượn xe ô tô của K đem đi để cầm cố lấy tiền đưa cho H2. Khoảng 11 giờ ngày 19/7/2024, T gọi điện thoại cho K hỏi mượn xe ô tô để đi Phú Thọ 02 (hai) ngày. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, K gọi điện nhất trí cho T mượn xe và bảo T tự đến nhà K lấy xe ô tô. Khoảng 15 giờ cùng ngày, T đến nhà K lấy xe ô tô rồi đi đón Nông Thị H2 và di chuyển đến huyện L, tỉnh Thái Nguyên để cầm cố xe ô tô. Qua hỏi thăm những người buôn bán ở huyện L, tỉnh Thái Nguyên, T được giới thiệu đến gặp Lý Duy H và hai bên thỏa thuận T sẽ cầm đặt xe ô tô với Hoài lấy số tiền 150.000.000,đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*) trong thời hạn 02 (hai) ngày. Sau khi T viết giấy có nội dung bán xe cho H thì H chuyển số tiền 150.000.000,đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*) vào tài khoản ngân hàng của H2 (*tài khoản ngân hàng của D gửi cho H2 để chuyển tiền đầu tư*). Sau đó T và H2 đi thuê phòng nghỉ tại huyện L, tỉnh Thái Nguyên.

Đến buổi chiều ngày 20/7/2024, H2 phát hiện đã bị lừa nên đi xe khách về Cao Bằng tìm nguồn tiền để chuộc xe ô tô còn T ở lại Thái Nguyên chờ H2. Do không có tiền chuộc xe ô tô nên ngày 21/7/2024, T gọi điện thoại cho H xin kéo dài thời gian cầm cố. Đến chiều ngày 24/7/2024, bà La Thị Nh (*sinh ngày 05/6/1966, trú tại tổ 5, phường S1, thành phố C*) là mẹ của K gọi điện thoại cho T thì T nói cho bà Nh biết T đã đem xe ô tô của K đi cầm cố lấy 150.000.000,đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*) và hiện nay không có tiền để chuộc lại xe và bà Nh nói lại sự việc cho K biết nên K đã trình báo với cơ quan Công an.

Đối với các đồ vật, tài sản đã tạm giữ trong vụ án, xét thấy không ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án, ngày 17/02/2025, Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô và các giấy tờ liên quan cho Ôn Trung K. Đối với các vật chứng còn lại, Cơ quan điều tra đang tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án.

Hành vi của bị cáo đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 48/CT-VKSTP ngày 04/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đã truy tố Ôn Văn T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận tội danh đúng như Cáo trạng đã truy tố. Tuy nhiên, bị cáo thay đổi lời khai về thời điểm nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của bị hại. Bị cáo khai khoảng 12 giờ trưa ngày 19/7/2024, bị cáo gọi điện cho bị hại Ôn Trung K mượn chiếc xe ô tô nhãn hiệu Honda City biển kiểm soát 11A- 119.xx để đi giải quyết công việc, cùng đi có chị Nông Thị H2 là người quen của bị cáo. Trên đường đi, chị H2 nói với bị cáo cần 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*) để đầu tư. Vì muốn giúp chị H2 nhưng bản thân không có tiền, do đó, bị cáo đã nảy sinh ý định mang xe của anh K đi cầm cố và đã cầm cố được số tiền 150.000.000,đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*) để sử dụng cho mục đích cá nhân. Sau khi bị bắt, bị cáo đã tác động chị Nông Thị H2 khắc phục hậu quả trả số tiền 150.000.000,đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*) cho anh Lý Duy H. Chiếc xe ô tô đã được Cơ quan chức năng trả lại cho anh Ôn Trung K.

Về vật chứng hiện đang bị thu giữ là 01 (*một*) giấy phép lái xe số 04009900057 mang tên Ôn Văn T, bị cáo đề nghị được trả lại.

Người bào chữa Nông Văn Dữ trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những nội dung sau: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã khắc phục được hậu quả, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Về án phí, bị cáo sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn và đã có đơn đề nghị miễn án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho bị cáo.

Bị hại Ôn Trung K vắng mặt tại phiên tòa. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh K xác nhận đã được Cơ quan điều tra trả lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát 11A-

119.xx cùng các giấy tờ liên quan nên không có yêu cầu gì thêm. Về trách nhiệm hình sự, anh K có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lý Duy H vắng mặt tại phiên tòa. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh H trình bày: Ngày 19/7/2024, anh H nhận cầm cố với bị cáo 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 11A- 119.xx, các giấy tờ xe mang tên Ôn Trung K với giá 150.000.000,đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Anh H không biết nguồn gốc chiếc xe do bị cáo phạm tội mà có. Trong quá trình điều tra, anh H đã nhận lại số tiền 150.000.000,đ (một trăm năm mươi triệu đồng) từ người thân của bị cáo nên không có yêu cầu gì thêm. Về trách nhiệm hình sự, anh H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người làm chứng Nông Thị H2 vắng mặt tại phiên tòa. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị H2 khai nhận chị là bạn làm ăn cùng bị cáo. Do cần tiền cho mục đích cá nhân nên chị nói với bị cáo cần 150.000.000,đ (một trăm năm mươi triệu đồng) để đầu tư, sau một tiếng sẽ nhận 200.000.000,đ (hai trăm triệu đồng) tiền lãi và được bị cáo đồng ý giúp. Việc bị cáo cầm cố chiếc xe để lấy tiền, chị có chứng kiến, tuy nhiên không biết đó là xe do phạm tội mà có. Ngày 29/11/2024, chị H2 đã tự nguyện bồi thường số tiền 150.000.000,đ (một trăm năm mươi triệu đồng) cho anh Lý Duy H, số tiền này chị tự nguyện khắc phục, không yêu cầu bị cáo trả lại.

Tại phiên tòa, người làm chứng La Thị Nh khai bà là mẹ của bị hại Ôn Trung K. Ngày 19/7/2024, bà biết việc bị cáo mượn xe của K để đi công việc, bà được nghe điện thoại và hướng dẫn nơi để chìa khóa nhà cho bị cáo vào lấy chìa khóa xe ô tô. Đến chiều 24/7/2024, không thấy bị cáo đem xe đến trả, bà gọi điện cho bị cáo thì được biết bị cáo đã mang xe của anh K đi bán, hiện nay không có tiền để chuộc lại nên đã báo lại cho anh K biết sự việc.

Kết thúc việc hỏi tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Ôn Văn T từ 08 năm đến 09 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Ôn Trung K đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo 01 (một) giấy phép lái xe số 04009900057 mang tên Ôn Văn T.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000,đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phần tranh luận, bị cáo, người bào chữa không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp cũng như hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Do đó, những chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa, bị cáo vẫn thừa nhận tội danh như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Tuy nhiên, bị cáo thay đổi lời khai về thời điểm nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của bị hại là trên đường di chuyển xuống Thái Nguyên, sau khi đã mượn được xe.

Căn cứ các lời khai của bị cáo, bị hại và người làm chứng tại Cơ quan điều tra. Cụ thể:

Tại Biên bản hỏi cung bị can hồi 14 giờ 30 phút ngày 21/01/2025 (bút lục số 87) có sự tham gia của người bào chữa cho bị cáo, bị cáo khai nhận: “Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 19/7/2024, tôi gọi điện cho Nông Thị H2 (sinh năm 1979, nhà ở khu vực Trung tâm cai nghiện tỉnh Cao Bằng thuộc phường S1, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) rủ H2 đi Phú Thọ kiếm mồi đầu ra, đầu vào tằm. H2 đồng ý đi với tôi và nói với tôi đang kiếm số tiền 150.000.000,đ (một trăm năm mươi

triệu đồng). Lúc này tôi nghĩ nếu một tiếng sau thu được lãi ngay nên tôi nảy sinh ý định mượn xe của em tôi là Ôn Trung K (sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú: Tổ 5, phường S1, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) đem đi cầm lấy tiền, một tiếng sau thu được tiền sẽ chuộc lại xe”.

Tại biên bản ghi lời khai hỏi 14 giờ 00 phút ngày 30/7/2024 (bút lục số 54), bị hại Ôn Trung K khai: “Vào khoảng 12 giờ ngày 19/7/2024, tôi đang đi làm ở Trung tâm đào tạo thi đấu thể thao và nghệ thuật tỉnh Cao Bằng thì anh Ôn Văn T (sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú: xóm S, xã H, huyện Q., tỉnh Cao Bằng, là anh họ của tôi) gọi điện cho tôi hỏi “mày cho anh mượn xe đi làm việc ở Phú Thọ hai hôm được không?”... Do anh T mượn xe để đi xa và thời gian dài nên tôi phân vân chưa đồng ý cho anh T mượn xe. Tôi bảo với anh T “để tý em gọi lại”. Đến khoảng 14 giờ khi tôi chuẩn bị đi làm thì tôi nghĩ lại và đồng ý cho anh T mượn xe”.

Tại biên bản ghi lời khai hỏi 15 giờ 30 phút ngày 02/10/2024 (bút lục số 69), người làm chứng Nông Thị H2 khai: “Đến sáng ngày 19/7/2024, T bảo tôi đi cùng T xuống Phú Thọ để kiểm mốt tằm. Tuy nhiên tôi đang bận xoay tiền để chuyển cho ông D. Tôi kể cho T về việc ông D hứa hẹn nếu chuyển cho D số tiền 150.000.000,đ (một trăm năm mươi triệu đồng) thì D sẽ kéo lên 1.000.000.000,đ (một tỉ đồng)... Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, T gọi điện cho tôi hỏi “chị xoay tiền xong chưa” thì tôi bảo “chị không xoay được”... T bảo với tôi “em có cách”... Sau đó T bảo tôi đợi tí T qua đón. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, T điều khiển xe ô tô 5 chỗ màu trắng đón tôi và chở tôi đến thị trấn Đ, huyện L, thành phố Thái Nguyên”.

Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng lập hỏi 20 giờ ngày 24 tháng 7 năm 2024; phù hợp với Kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐĐGTS ngày 30/7/2024 Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự; phù hợp với các biên bản kiểm tra điện thoại, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Xét thấy các tài liệu, chứng cứ được Cơ quan điều tra thu thập là khách quan và đúng trình tự thủ tục Tổ tụng hình sự. Do đó, việc thay đổi lời khai của bị cáo tại phiên tòa không có căn cứ để chấp nhận. Có đủ căn cứ để kết luận: Ngày 19/7/2024, bị cáo có hành vi mượn 01 (một) xe ô tô nhả hiệu Honda City biển kiểm soát 11A-119.xx của Ôn Trung K mang đi cầm cố được số tiền 150.000.00,đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Toàn bộ số tiền có được từ việc cầm đặt xe ô tô, Ôn Văn T đã sử dụng cho mục đích cá nhân. Chiếc xe Ôn Văn T chiếm đoạt có

giá trị tài sản 373.333.333,đ (ba trăm bảy mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã đưa ra thông tin không đúng sự thật, nói với bị hại rằng bị cáo mượn xe làm phương tiện đi giải quyết công việc nhưng thực chất là mang xe đi cầm cố lấy tiền phục vụ cho mục đích cá nhân. Bị cáo nhận thức rõ việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa, bị cáo thay đổi lời khai, tuy nhiên bị cáo vẫn nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố; bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt chính:

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng. Căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện tội phạm và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

Hội đồng xét xử xét thấy, tuy bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng tài sản bị cáo chiếm đoạt đối với bị hại có giá trị lớn. Do vậy không có căn cứ để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Mức án theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Không có căn cứ chấp nhận đề nghị của người bào chữa.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Qua đánh giá điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Ôn Trung K đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về việc xử lý vật chứng:

Ngày 17/02/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã trả lại cho bị hại Ôn Trung K: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 11A- 119.xx; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô; 01 (một) chìa khóa xe ô tô. Xét thấy, việc trả lại những tài sản, đồ vật trên không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là có căn cứ.

Đối với vật chứng là 01 (một) giấy phép lái xe ô tô mang tên Ôn Văn T cần trả lại cho bị cáo.

[8] Về nghĩa vụ chịu án phí:

Bị cáo có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Về các vấn đề khác của vụ án:

Đối với Nông Thị H2 cùng T cầm cố xe ô tô, H2 không biết nguồn gốc chiếc xe. Đối với Lý Duy H nhận cầm đặt xe ô tô với T không biết xe do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với H2 và Hoài là có căn cứ.

Đối với người đàn ông tên Nguyễn Công S và Lê Văn D, cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh và sẽ giải quyết khi có đủ căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Ôn Văn T phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt: Bị cáo Ôn Văn T 08 năm 06 tháng tù.

Thời hạn chấp hành án phạt tù kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/7/2024.

2. Việc xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử trả lại cho bị cáo: 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, C số 04009900057 mang tên Ôn Văn T.

Xác nhận số vật chứng trên đã được chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng số: 84 ngày 14 tháng 4 năm 2025.

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Ôn Văn T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp Cao Bằng;
- VKSND thành phố C;
- Công an thành phố C;
- CCTHADS thành phố C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Hoài Anh